

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG KHAI CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, CÁC ĐIỀU
KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ THU- CHI TÀI CHÍNH

Năm 2025

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Công văn số 3009/SGDĐT-KHTC ngày 16/7/2024 về triển khai thực hiện Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Hướng dẫn của phòng GD&ĐT thành phố Gia Nghĩa về việc triển khai đến các trường mầm non, tiểu học, THCS thuộc thành phố Gia Nghĩa nghiên cứu thực hiện công khai bảo đảm đúng các quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT và các quy định pháp luật liên quan trong năm học 2024 – 2025;

Căn cứ kế hoạch công khai số /KH-PBC ngày tháng 8 năm 2024 của trường THCS Phan Bội Châu về việc công khai các hoạt động giáo dục;

Trường THCS Phan Bội Châu đã thực hiện nghiêm túc các nội dung theo yêu cầu và báo cáo như sau:

A. BÁO CÁO CÔNG KHAI THƯỜNG NIÊN

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục

Tên trường: Trường THCS Phan Bội Châu, xã Đắk Nia, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

Trụ sở chính: Thôn Nghĩa Hòa, xã Đắk Nia, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Email: c2phanboichaugn.daknong@moet.edu.vn

- Webservice: <http://c2phanboichau.pgdgianghia.edu.vn/>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư (nếu có).

Loại hình: Công lập.

Cơ quan chủ quản: UBND thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

Trải qua 20 xây dựng và phát triển, nhà trường đã từng bước lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng. Những năm gần đây, được sự chỉ đạo, quan tâm đầu tư của Sở GD&ĐT tỉnh Đắk Nông, Ủy ban nhân dân thành phố Gia Nghĩa, Phòng GD&ĐT thành phố Gia Nghĩa cùng với sự phối hợp chặt chẽ và ủng hộ nhiệt tình của các ban ngành đoàn thể, Ban đại diện cha mẹ học sinh, với quyết tâm cao thầy và trò trường THCS Phan Bội Châu đã vượt qua khó khăn, hoàn thành tốt đến xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao. Quy mô mạng lưới trường lớp được ổn định và giữ vững, chất lượng giáo dục của nhà trường ngày càng được nâng cao. Nhà trường luôn đi đúng đường lối lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, từng bước nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh, thân thiện.

Cơ sở vật chất của nhà trường ngày càng được đầu tư đầy đủ, khang trang hơn, khu sân chơi, khu luyện tập TDTT đảm bảo việc phục vụ cho các hoạt động giáo dục của nhà trường theo quy định, đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay. Tổng quan nhà trường được bố trí, quy hoạch một cách khoa học, ngoài khu phục vụ học tập, nhà trường còn chú trọng sửa sang và tu bổ khuôn viên, tôn tạo cảnh quan Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn.

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Sở GD&ĐT tỉnh Đắk Nông, Ủy ban nhân dân thành phố Gia Nghĩa, Phòng GD&ĐT thành phố Gia Nghĩa, thầy và trò trường THCS Phan Bội Châu không ngừng nỗ lực phấn đấu để xứng đáng với niềm tin của các cấp chính quyền và nhân dân trong xã Đắk NIA. Những năm gần đây chất lượng giáo dục nhà trường luôn từng bước nâng cao. Trường có nhiều năm đạt danh hiệu: “Tập thể lao động tiên tiến” và “Tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ”. Năm học 2024-2025 nhà trường quyết tâm thực hiện mục tiêu đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 và đạt kiểm định chất lượng mức độ 3.

Trong giai đoạn phát triển Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế hiện nay, giáo dục ngày càng có vai trò quan trọng trong việc đào tạo thế hệ người Việt Nam mới, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Điều này đòi hỏi nhà trường cần phải xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường đúng hướng, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, quy luật, xu thế và xứng tầm thời đại mới.

Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030 được xây dựng trên cơ sở kế thừa và phát huy kết quả nhà trường đã đạt được trong giai đoạn 2015-2020. Từ đó, xác định rõ định hướng,

Gmail: cotuetranphu@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

- a. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh

sách thành viên hội đồng trường;

Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020-2025 được thành lập theo quy định tại Điều 20 Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo), Hội đồng trường được thành lập theo Quyết định số 1349/QĐ-UBND ngày 19/10/2022 của UBND thành phố Gia Nghĩa về việc thành lập Hội đồng trường trung học cơ sở Phan Bội Châu nhiệm kỳ 2022-2027. Hội đồng trường gồm 11 thành viên: Bí thư Chi bộ- Hiệu trưởng nhà trường; chủ tịch Công đoàn; bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; đại diện tổ chuyên môn, tổ văn phòng; đại diện chính quyền địa phương, Ban đại diện cha mẹ học sinh và đại diện học sinh.

Bà Lê Thị Tuệ làm chủ tịch Hội đồng - Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng nhà trường; ông Lê Công Hòa làm thư kí Hội đồng.

- b. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:

Hiệu trưởng: Lê Thị Tuệ

+ Ngày tháng năm sinh: 19/1/1971

+ Bổ nhiệm lại giữ chức vụ Hiệu trưởng trường THCS Phan Bội Châu theo Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 07/02/2025 của UBND thành phố Gia Nghĩa.

+ Thời gian làm Hiệu trưởng tại đơn vị đến nay được 05 tháng.

Phó hiệu trưởng: Hoàng Văn Hậu

+ Ngày tháng năm sinh: 21/8/1980

Bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường THCS Phan Bội Châu theo quyết định số 731/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2022 của ủy ban nhân thành phố Gia Nghĩa

+ Thời gian làm Phó Hiệu trưởng tại đơn vị đến nay là 3 năm.

- c. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục (có sơ đồ kèm theo)

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo

mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển, là cơ sở quan trọng cho các quyết sách của Hội đồng trường và hoạt động của lãnh đạo nhà trường cũng như toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường. Xây dựng và thực hiện hiệu quả kế hoạch chiến lược nhà trường giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030 sẽ góp phần quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi mục tiêu giáo dục nhà trường nói riêng, mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội địa phương nói chung.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường THCS Phan Bội Châu tọa lạc tại thôn Nghĩa Hòa, xã Đắc Nía, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông, là địa bàn vốn có lợi thế về điều kiện tự nhiên, nằm ở phía Nam thành phố Gia Nghĩa. Phía Đông giáp với huyện Đắk Glong; Phía Tây giáp với phường Nghĩa Trung, Nghĩa Tân và huyện Đắk R'Lấp; Phía Nam giáp với tỉnh Lâm Đồng; Phía Bắc giáp với phường Nghĩa Đức. Diện tích tự nhiên: 93,52 km², được chia ra 7 thôn, 5 bon; Dân số có 10.361 người, mật độ dân số đạt 111 người/km². Dân số phân bố không đồng đều, kinh tế đủ thành phần, thu nhập của người dân không đều nhau.

Học sinh của trường thường trú và tạm trú tại các Thôn Nghĩa Hòa, Nghĩa Thuận, Đồng Tiến, Bon Phai Kol Pru Đăng, thôn Cây Xoài, thôn Nam Rạ (từ cổng chào thôn Nam Rạ về phía trường Phan Bội Châu), một phần tổ dân phố 5, 6 Phường Nghĩa Trung (gần cầu Đắk Mùl)

Trường THCS Phan Bội Châu được thành lập theo quyết định số 389/QĐ-UBND, ngày 01 tháng 9 năm 2004 của UBND Huyện Đắk Nông (nay là thành phố Gia Nghĩa), tỉnh Đắk Nông.

Trường THCS đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2018-2023 và đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 tháng 12/2014.

Trải qua quá trình xây dựng và trưởng thành, trường đã có bao thế hệ thầy, cô giáo có ý thức trách nhiệm và tâm huyết của mình đã đóng góp trí tuệ, công sức để xây dựng nhà trường thành đơn vị có nhiều thành tích và truyền thống vẻ vang trong sự nghiệp “Trồng người”. Nhiều thầy cô giáo đã vinh dự được đứng trong hàng ngũ của Đảng Cộng Sản Việt Nam, đạt các danh hiệu chiến sĩ thi đua, cán bộ quản lý giỏi, giáo viên giỏi các cấp.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử

Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ: Bà Lê Thị Tuệ

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Thôn Nghĩa Hòa, xã Đắc Nía, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

Số điện thoại: 0949515258

dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

Nhà trường có đầy đủ các văn bản theo quy định: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của Hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; (Có văn bản kèm theo).

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số biên chế được UBND thành phố Gia Nghĩa giao năm 2025:

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo		
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn
Hiệu trưởng	1	1	0		0	1
Phó Hiệu trưởng	1	0	0		1	0
Giáo viên	19	14	0	1	18	0
Nhân viên	3	3	0	0	3	0
Cộng	24	18	0	1	22	0

2. Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở Phan Bội Châu năm học 2024 - 2025:

ST T	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	Th S	Đ H	C Đ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Trung bình	K é m
	Tổng số GV,CB,NV	24			23	1			5	16	01	16	5		

4	Nhân viên y tế	0												
5	NV thư viện	1			1									
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	0												
7	NV hỗ trợ giáo dục	0												
	NKT													
8	Nhân viên công nghệ thông tin	0												

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở Phan Bội Châu năm học 2024 – 2025

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	15	1,6 m ² /Hs
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	12	1,26 m ² /Hs
2	Phòng học bán kiên cố	0	1,26 m ² /Hs
3	Phòng học tạm	0	0
4	Phòng học nhờ	0	0
5	Số phòng học bộ môn	4	1,26 m ² /Hs
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	

1. Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở Phan Bội Châu năm học 2024 – 2025

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	436	106	130	111	89
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	397 (91,1%)	89 (84,00%)	122 (93,8%)	100 (90,1)	86 (96,6)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	39 (8,9%)	17 (16%)	8 (6,20%)	11 (9,9%)	3 (3,40%)
3	Trung bình, Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)
4	Yếu, CĐ (tỷ lệ so với tổng số)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)
II	Số học sinh chia theo học lực	436	106	130	111	89
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	54 (12,4%)	16 (15,1%)	14 (10,8%)	14 (12,6%)	10 (11,2%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	154 (35,3%)	34 (32,1%)	41 (31,5%)	35 (31,5%)	44 (49,4%)
3	Trung bình, Đ (tỷ lệ so với tổng số)	218 (50,0%)	49 (46,2%)	74 (56,9%)	60 (54,1%)	35 (39,4%)
4	Yếu, CĐ (tỷ lệ so với tổng số)	10 (2,3%)	7 (6,6%)	1 (0,8%)	2 (1,8%)	0 (0%)
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	436	106	130	111	89
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	426 (97,7%)	99 (93,4%)	129 (99,2%)	99 (98,2%)	89 (100%)

GIA
TRƯỜNG
CƠ SỞ
PHAN BỘI
CHÂU

a	Học sinh giỏi, XS (tỷ lệ so với tổng số)	54 (12,4%)	16 (15,1%)	14 (10,8%)	14 (12,6%)	10 (11,2%)
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	154 (35,3%)	34 (32,1%)	41 (31,5%)	35 (31,5%)	44 (49,4%)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	10 (2,3%)	7 (6,6%)	1 (0,8%)	2 (1,8%)	0 (0%)
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	1 (0,9%)	0 (0%)
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	20 (4,58)	3 (2,84)	10 (7,69)	4 (3,6)	3 (3,37)
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện/ thành phố	21	5	8	3	5
2	Cấp tỉnh	1				1
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0				0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	89				89
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	89				89
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	10 (11,24%)				10 (11,24%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	44 (49,44%)				44 (49,44%)

3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	35 (39,32%)				35 (39,32%)
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	236/200	54/52	76/54	60/51	46/43
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	87	19	26	23	19

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Kinh phí từ ngân sách được giao

Kinh phí được giao năm 2025 theo Quyết định số 300/QĐ-GDDT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Gia Nghĩa về việc giao dự toán thu, chi Ngân sách Nhà nước năm 2025;

- Dự toán năm trước chuyển sang: 0 đ
- Dự toán giao năm 2025: 5.699.002.000 đ
- Dự toán cấp bổ sung: 93.342.000 đ
- Dự toán được sử dụng trong năm : 5.792.344 đ

Nội dung chi tiết:

Số TT	Tiêu mục	Nội dung chi	Số liệu quyết toán	Số liệu QT được duyệt
1	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	6050	62.855.000	62.855.000
2	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	6051	62.855.000	62.855.000
3	Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học	6150	12.750.000	12.750.000
4	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	6157	12.750.000	12.750.000
5	Các khoản đóng góp	6300	6.085.000	6.085.000
6	Bảo hiểm xã hội	6301	4.950.000	4.950.000
7	Bảo hiểm y tế	6302	850.000	850.000
8	Bảo hiểm thất nghiệp	6304	285.000	285.000

7	Bình quân lớp/phòng học	0,7	
8	Bình quân học sinh/lớp	39,5	
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	17.895	44,7m ² /HS
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	10.930,36	24,78 m ² /hs
VI	Tổng diện tích các phòng	1500	
1	Diện tích phòng học (m ²)	63	1,26 m ² /Hs
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	63	1,57 m ² /Hs

3	Diện tích thư viện (m ²)	63	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	350	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	24	50 m ² /phòng
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	4	5 bộ/ 29 lớp
1.1	Khối lớp 6	1	590 bộ/ 7 lớp
1.2	Khối lớp 7	1	464 bộ/ 8 lớp
1.3	Khối lớp 8	1	20 bộ/ 7 lớp
1.4	Khối lớp 9	1	15 bộ/ 7 lớp
2	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0	
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	26	



IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác			
1	Ti vi		14	
2	Cát xét		2	
3	Đầu Video/đầu đĩa		1	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể		1	
5	Thiết bị khác...		0	
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng			Số thiết bị/lớp
1	Ti vi		14	15/29
2	Cát xét		2	4/29
3	Đầu Video/đầu đĩa		1	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể		1	3/29
5	Thiết bị khác...		0	
	Nội dung	Số lượng (m²)		
X	Nhà bếp	0		
XI	Nhà ăn	0		

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m²/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1		2		1,2m ² /hs

2	Chưa đạt chuẩn VS*	0	0		
	Nội dung		Có	Không	
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh		X		
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)		X		
XVII	Kết nối internet		X		
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường		X		
XIX	Tường rào xây		X		

IV.KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Trường THCS Phan Bội Châu đã nhận thức đúng đắn tầm quan trọng về mục đích kiểm định chất lượng. Trong đó, tự đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường là tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện, để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, thường xuyên cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục. Trường THCS Phan Bội Châu đã tự đánh giá chất lượng giáo dục, để xác định rõ trường đã đạt được ở cấp độ nào, từ đó đăng kí kiểm định chất lượng với cấp trên, đã được công nhận Chất lượng giáo dục cấp độ 2 và trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 năm 2018, tháng 12/2024 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

Từng năm học, nhà trường đã nghiêm túc thực hiện quá trình tự đánh giá và nộp báo cáo tự đánh giá về bộ phận khảo thí Phòng GD&ĐT; Đồng thời thấy được ý nghĩa thiết thực của công việc tự đánh giá đã giúp nhà trường nhận ra được những điểm mạnh, điểm yếu để từ đó đề ra những giải pháp cải tiến chất lượng mang tính khả thi. Công việc tự đánh giá đã có tác động tích cực trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động giáo dục của nhà trường trong những năm gần đây.

Trường THCS Phan Bội Châu đã tiến hành tự đánh giá theo đúng quy trình tự đánh giá:

1. Thành lập hội đồng tự đánh giá.
2. Xây dựng mục đích, phạm vi tự đánh giá.
3. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.

4. Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng.
5. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.
6. Viết báo cáo tự đánh giá.
7. Công bố báo cáo tự đánh giá.

Trường Phan Bội Châu đã thành lập hội đồng tự đánh giá gồm 23 thành viên với đầy đủ các thành phần: Cấp uỷ Chi bộ, cán bộ quản lý, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư đoàn trường, các tổ trưởng chuyên môn, các CB, GV, NV phụ trách các hoạt động giáo dục có liên quan.

Phân công các thành viên trong nhóm công tác là những người trực tiếp phụ trách các hoạt động giáo dục nhà trường và đã công tác, giảng dạy nhiều năm tại trường.

Kết quả của quá trình tự đánh giá:

Thực hiện tự đánh giá, nhà trường đã nhận thấy điểm mạnh, điểm yếu, từ đó đề ra được kế hoạch cải tiến chất lượng để phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu. Kỷ cương nề nếp được giữ vững, công tác quản lý được đổi mới và việc đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường chuẩn mực hơn.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở Phan Bội Châu, năm học 2024 – 2025:

		Chia theo khối lớp			
STT	Nội dung	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9

I	Điều kiện tuyển sinh	Thôn Nghĩa Hòa, Nghĩa Thuận, Đồng Tiến, Bon Phai Kol Pru Đăng, thôn Cây Xoài, thôn Nam Rạ (từ cổng chào thôn Nam Rạ về phía trường Phan Bội Châu), một phần tổ dân phố 5, 6 Phường Nghĩa Trung (gần cầu Đắc Mul). Đủ 11 tuổi (sinh năm 2013, có giấy khai sinh hợp lệ, hoàn thành CT Tiểu học). Đảm bảo lên lớp đúng theo TT 22/2021/TT-BGDĐT của BGD. HS chuyển đến có đủ hồ sơ hợp lệ học bạ, giấy khai sinh, giấy chuyển trường.	Thôn Nghĩa Hòa, Nghĩa Thuận, Đồng Tiến, Bon Phai Kol Pru Đăng, thôn Cây Xoài, thôn Nam Rạ (từ cổng chào thôn Nam Rạ về phía trường Phan Bội Châu), một phần tổ dân phố 5, 6 Phường Nghĩa Trung (gần cầu Đắc Mul). Đảm bảo lên lớp đúng theo Thông tư Số: 22/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục. HS chuyển đến có đủ hồ sơ hợp lệ, học bạ, giấy khai sinh, giấy chuyển trường.	Thôn Nghĩa Hòa, Nghĩa Thuận, Đồng Tiến, Bon Phai Kol Pru Đăng, thôn Cây Xoài, thôn Nam Rạ (từ cổng chào thôn Nam Rạ về phía trường Phan Bội Châu), một phần tổ dân phố 5, 6 Phường Nghĩa Trung (gần cầu Đắc Mul). Đảm bảo lên lớp đúng theo Thông tư Số: 22/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục. HS chuyển đến có đủ học bạ, giấy khai sinh hợp lệ, giấy chuyển trường.	Thôn Nghĩa Hòa, Nghĩa Thuận, Đồng Tiến, Bon Phai Kol Pru Đăng, thôn Cây Xoài, thôn Nam Rạ (từ cổng chào thôn Nam Rạ về phía trường Phan Bội Châu), một phần tổ dân phố 5, 6 Phường Nghĩa Trung (gần cầu Đắc Mul). Đảm bảo lên lớp đúng theo Thông tư Số: 22/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục. HS chuyển đến có đủ học bạ, giấy khai sinh hợp lệ, giấy chuyển trường.
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	- Thực hiện chương trình hiện hành theo quy định của Bộ GD&ĐT. - Thời gian học 35 tuần, Nghỉ lễ, tết theo quy định của nhà nước. - Kiến thức kỹ năng đúng quy định chuẩn của BGDĐT. - Môn học đối với lớp 6, 7, 8, 9: 13 môn; - Chương trình đào tạo nhằm phát triển toàn diện và kỹ năng sống.			

III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Nhà trường được thành lập trường theo Quyết định 389/QĐ-UBND, ngày 01 tháng 9 năm 2004 của UBND Huyện Đắk Nông (nay là thành phố Gia Nghĩa), tỉnh Đắk Nông. Hoạt động theo đúng điều lệ trường Trung học. - Nhà trường và phụ huynh có sự phối hợp chặt chẽ trong việc theo dõi, giáo dục học sinh. Hoạt động Ban đại diện cha mẹ học sinh theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT. Ban đại diện học sinh trường, lớp họp 3 lần/năm. Ban đại diện trường có 12 thành viên, ban đại diện lớp có 3 thành viên. - Tổ chức Đội TNTP Hồ Chí Minh hoạt động đúng điều lệ, kế hoạch do Hội đồng Đội các cấp và kế hoạch nhà trường. - Học sinh có thái độ học tập đúng đắn, chấp hành đầy đủ nội quy nhà trường. Mọi học sinh phải thực hiện tốt 5 điều Bác Hồ dạy, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và phong trào xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực. - Tích cực, siêng năng học tập và rèn luyện để đạt kết quả cao.			
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Cơ sở vật chất đủ đảm bảo cho tất cả các môn giảng dạy. - Thiết bị dạy học: Đủ các thiết bị tối thiểu theo quy định Bộ GDĐT. - Có 01 phòng tin học với 21 máy tính, cơ bản đáp ứng đủ nhu cầu học tập của HS. - Phòng học được trang bị đầy đủ: bàn ghế, bảng chống lóa, ánh sáng, quạt thoáng mát, ti vi, máy tính.			
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Học sinh có hạnh kiểm khá, tốt: 100% Học sinh có học lực khá, tốt: 47,69% Sức khỏe: Chăm sóc tốt vệ sinh sức khỏe học đường, có biện pháp tích cực trong việc phòng chống các dịch bệnh thông thường theo mùa, khám bệnh, tiêm phòng đúng định kỳ; không để xảy ra tai nạn thương tích và giao thông đối với HS.			
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- Đạt từ 93,27% học sinh lên lớp thẳng (sau khi thi lại và rèn luyện trong hè đạt 100%) - Duy trì sĩ số 100%	- Đạt từ 99,22% trở lên học sinh lên lớp thẳng (sau khi thi lại và rèn luyện trong hè đạt 100%) - Duy trì sĩ số 100%	- Đạt từ 92,79% trở lên học sinh lên lớp thẳng (sau khi thi lại và rèn luyện trong hè đạt 99,1%) - Duy trì sĩ số 99,1%	100% được công nhận TN THCS. Duy trì sĩ số 100%



9	Chi khác	7750	12.000.000	12.000.000
10	Chi các khoản khác	7799	12.000.000	12.000.000
11	KP thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm		3.325.135.000	3.325.135.000
12	Giáo dục trung học cơ sở		3.325.135.000	3.325.135.000
13	Tiền lương	6000	1.638.489.000	1.638.489.000
14	Lương theo ngạch, bậc	6001	1.638.489.000	1.638.489.000
15	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	6050	29.400.000	29.400.000
16	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	6051	29.400.000	29.400.000
17	Phụ cấp lương	6100	1.033.356.000	1.033.356.000
18	Phụ cấp chức vụ	6101	27.846.000	27.846.000
19	Phụ cấp khu vực	6102	196.560.000	196.560.000
20	Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	6107	4.914.000	4.914.000
21	Phụ cấp ưu đãi nghề	6112	519.179.000	519.179.000
22	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	6113	6.552.000	6.552.000
23	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	6115	260.287.000	260.287.000
24	Phụ cấp khác	6149	18.018.000	18.018.000
25	Phúc lợi tập thể	6250	1.750.000	1.750.000
26	Chi khác	6299	1.750.000	1.750.000
27	Các khoản đóng góp	6300	448.353.000	448.353.000
28	Bảo hiểm xã hội	6301	342.304.000	342.304.000
29	Bảo hiểm y tế	6302	58.679.000	58.679.000
30	Kinh phí công đoàn	6303	27.812.000	27.812.000
31	Bảo hiểm thất nghiệp	6304	19.558.000	19.558.000
32	Thanh toán dịch vụ công cộng	6500	9.933.000	9.933.000
33	Tiền điện	6501	9.933.000	9.933.000
34	Vật tư văn phòng	6550	33.932.000	33.932.000
35	Văn phòng phẩm	6551	21.934.000	21.934.000
36	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	6552	2.854.000	2.854.000
37	Vật tư văn phòng khác	6599	9.144.000	9.144.000
38	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	6600	1.895.000	1.895.000
39	Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng	6605	1.895.000	1.895.000

40	Công tác phí	6700	10.400.000	10.400.000
41	Phụ cấp công tác phí	6702	4.000.000	4.000.000
42	Tiền thuê phòng ngủ	6703	2.400.000	2.400.000
43	Khoản công tác phí	6704	4.000.000	4.000.000
44	Chi phí thuê mướn	6750	12.500.000	12.500.000
45	Thuê thiết bị các loại	6754	12.500.000	12.500.000
46	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	6900	10.800.000	10.800.000
47	Nhà cửa	6907	1.800.000	1.800.000
48	Các thiết bị công nghệ thông tin	6912	5.420.000	5.420.000
49	Tài sản và thiết bị văn phòng	6913	3.580.000	3.580.000
50	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	6950	13.473.000	13.473.000
51	Tài sản và thiết bị khác	6999	13.473.000	13.473.000
52	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	7000	30.810.000	30.810.000
53	Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động	7004	3.000.000	3.000.000
54	Chi khác	7049	27.810.000	27.810.000
55	Mua sắm tài sản vô hình	7050	10.980.000	10.980.000
56	Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	7053	10.980.000	10.980.000
57	Chi khác	7750	39.064.000	39.064.000
58	Chi các khoản khác	7799	39.064.000	39.064.000
	Cộng:		3.418.825.000	3.418.825.000

- Thực hiện quy chế công khai tài chính theo Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện qui chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ GD&ĐT Quy định về công khai trong hoạt động của cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường THCS Phan Bội Châu công khai tài chính gồm:

Thông báo công khai quyết toán thu chi nguồn kinh phí ngân sách nhà nước năm 2024.

Thông báo công khai dự toán thu chi nguồn kinh phí ngân sách nhà nước năm 2025.

Công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý.

Thông báo công khai danh sách học sinh được trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với học sinh thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm 2025. (kèm theo danh sách)

2. Kinh phí thu dịch vụ, hỗ trợ giáo dục

Kinh phí thu dịch vụ, hỗ trợ giáo dục được thực hiện theo Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 20/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông về Quy định các khoản thu và mức thu các khoản thu dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh và các văn bản hướng dẫn của UBND tỉnh Đắk Nông, Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND thành phố Gia Nghĩa, Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố.

a) Thuê người dọn khu vực nhà vệ sinh dành cho học sinh

Số TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
I	Tổng số tiền huy động được	36.180.000	
1	Của các tổ chức	0	
2	Của các cá nhân	36.180.000	
II	Sử dụng số tiền huy động được	36.180.000	
31/5/2025	Chi Trả tiền thuê người quét dọn vệ sinh khu vực nhà vệ sinh của học sinh năm học 2024-2025	36.180.000	
III	Số tiền huy động được còn dư	0	

b) Ứng dụng công nghệ thông tin trong trao đổi thông tin liên lạc giữa nhà trường và phụ huynh học sinh

Số TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
I	Tổng số tiền huy động được	20.250.000	
1	Của các tổ chức	0	
2	Của các cá nhân	20.250.000	
II	Sử dụng số tiền huy động được	20.250.000	
31/5/2025	Chi thanh toán dịch vụ VnEdu cho học sinh năm học 2024-2025	20.250.000	
III	Số tiền huy động được còn dư	0	

c) Kinh phí mua giấy phục vụ công tác kiểm tra, thi, tiền Photo để kiểm tra

Số TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
I	Tổng số tiền huy động được	20.770.000	
1	Của các tổ chức	0	
2	Của các cá nhân	20.770.000	
II	Sử dụng số tiền huy động được	20.770.000	
16/6/2025	Chi thanh toán tiền mua giấy thi, giấy Photo phiếu bài tập, bài kiểm tra, đề thi cho học sinh năm học 2024-2025	20.770.000	
III	Số tiền huy động được còn dư	0	

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

- * Số học sinh đạt giải trong các cuộc thi cấp thành phố và cấp tỉnh:
 - Các kỳ thi học sinh giỏi lớp 9
 - + Học sinh giỏi cấp thành phố: 05 giải, trong đó giải ba, giải KK
 - + Học sinh giỏi cấp tỉnh: 01 giải khuyến khích
 - + Học sinh giỏi cấp thành phố: Đạt 16 giải, trong đó 05 giải ba, 11 giải khuyến khích;
 - Các cuộc thi khác
 - + 02 sản phẩm đạt giải KK tại cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp thành phố.
 - + 02 sản phẩm sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng cấp TP
 - + 02 giải C vẽ tranh cấp tỉnh
 - + 02 giải Hùng biện tiếng Anh cấp TP
- * Kết quả các hội thi giáo viên dạy giỏi cấp thành phố:
 - + 04 giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh
 - + 06 đề tài SKKN cấp thành phố,

Nơi nhận:

- PGD&ĐT thành phố Gia Nghĩa;
- Trang Websisse;
- Lưu VP.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Lê Thị Loue